

Vấn đề động lực trong triết lý phát triển Hồ Chí Minh - tiếp cận từ góc nhìn biện chứng

TS. LÊ THỊ THÚY BÌNH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: thuybinhbett25@gmail.com

Nhận ngày 22 tháng 3 năm 2023; chấp nhận đăng tháng 5 năm 2023.

Tóm tắt: Nhắc tới Hồ Chí Minh, ai cũng nghĩ ngay tới danh hiệu kép rất quen thuộc, đã được thế giới thừa nhận và tôn vinh - vừa là anh hùng giải phóng dân tộc vừa là danh nhân văn hóa kiệt xuất. Bên cạnh đó, từ góc độ triết học, Hồ Chí Minh còn là một nhà biện chứng duy vật sắc sảo, luôn có sự thống nhất cao độ giữa lý luận và thực hành, giữa vai trò một nhà tư tưởng và một người lãnh đạo. Người luôn nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng trong trạng thái động, trong mối quan hệ tác động qua lại và sự tác động ấy còn dẫn tới sự thâm thấu vào nhau, nằm trong nhau, chuyển hóa lẫn nhau tới mức khó có thể phân biệt rạch ròi giữa các sự vật, hiện tượng. Tư duy biện chứng này được thể hiện rõ nét khi Hồ Chí Minh đề cập tới vấn đề động lực trong triết lý phát triển đất nước, thể hiện qua bốn nội dung cơ bản.

Từ khóa: động lực; triết lý phát triển Hồ Chí Minh; biện chứng.

Abstract: When mentioning Ho Chi Minh, everyone immediately thinks of the familiar dual title which has been recognized and honored by the world: a hero of national liberation and an outstanding cultural celebrity. From a philosophical perspective, Ho Chi Minh was also an excellent materialist dialectician possessing a high degree of unity between theory and practice, between the role of a thinker and a leader. He always evaluated things and phenomena in a dynamic state, in a relationship of mutual influence in which they penetrate and transform into each other so it is difficult to clearly distinguish. This dialectical thinking was clearly shown when Ho Chi Minh mentioned the issue of motivation in the national development philosophy expressed through four basic contents.

Keywords: motivation; Ho Chi Minh's development philosophy; dialectic.

Trong toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã nêu ra và thực hành lý luận phát triển xã hội Việt Nam có tính triết học, mà hiện nay các nhà nghiên cứu gọi đó là triết lý phát triển Hồ Chí Minh. Lý luận đó phản ánh quan điểm cơ bản và cốt lõi về đường lối, chính sách phát triển của đất nước; có vai trò định hướng cho hoạt động thực tiễn đa dạng của con người, nhằm biến đổi từ ít đến nhiều, từ thấp đến cao, ngày càng tốt lên. Bên cạnh vấn đề về mục tiêu, con đường, nội dung phát triển; động lực phát triển là vấn đề được Hồ Chí Minh đặc biệt lưu tâm. Động lực phát triển xã hội theo triết lý

Hồ Chí Minh là những nhân tố tác động, thúc đẩy sự biến đổi của dân tộc Việt Nam theo hướng tiến tới độc lập, tự do, hòa bình, ấm no, hạnh phúc. Đó là một phức hợp những nhân tố về vật chất và tinh thần, truyền thống và hiện đại, trong nước và quốc tế. Với tư duy của một nhà biện chứng thực hành, Hồ Chí Minh luôn đề cập đến vấn đề động lực trong những mối quan hệ biện chứng, thống nhất, từ đó tạo ra cái nhìn đa chiều, toàn diện và sâu sắc.

1. Biện chứng giữa động lực vật chất và động lực chính trị - tinh thần, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

Trong xã hội loài người, con người muốn tồn tại và phát triển phải đủ hai điều kiện, đó là đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Muốn có đời sống vật chất phải lấy kinh tế làm nền tảng, muốn có đời sống tinh thần phải lấy văn hóa làm nền tảng. Kế thừa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin khi cho rằng vật chất quyết định ý thức, Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc lại câu nói: □có thực mới vực được đạo□ hay câu □đĩ thực vi tiên□(dân lấy ăn làm đầu), □dân dĩ thực vi thiên□(dân lấy ăn làm trời). Khi chỉ đạo các cấp, các ngành phải chăm lo tới đời sống người dân, bao giờ Hồ Chí Minh cũng đặt những điều kiện vật chất lên trên hết: □Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ□⁽¹⁾. Bởi vậy, làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, có học hành là mục đích hàng đầu của Chính phủ dân chủ non trẻ do Hồ Chí Minh thành lập. Tư duy này cũng thể hiện rõ trong cách định nghĩa của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội: □Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho nhân dân đủ ăn, đủ mặc, ngày càng sung sướng, ai nấy được đi học, ốm đau có thuốc, già không lao động thì được nghỉ, những phong tục tập quán không tốt dần dần được xoá bỏ□ Tóm lại, xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội□⁽²⁾.

Tuy nhiên, đối với Hồ Chí Minh, một xã hội có thể phát triển được không chỉ dựa vào các yếu tố vật chất mà còn phụ thuộc vào tổng hòa tất cả các yếu tố chính trị, tinh thần trong sự tác động nhiều chiều, đa dạng và biện chứng như chủ nghĩa yêu nước, truyền thống đoàn kết, phát huy dân chủ trong đời sống xã hội, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, □ Trong những vốn quý của dân tộc, Hồ Chí Minh luôn đặt chủ nghĩa yêu nước lên hàng đầu. Ngay từ trang đầu tiên của bài viết đầu tiên □Tâm địa thực dân□ năm 1919, Người đã đề cập tới cụm từ □tính chất yêu nước□ □chủ nghĩa yêu nước□ □những nhà ái quốc□ Cho đến tận tác phẩm Di chúc, Hồ Chí Minh tiếp tục căn dặn toàn Đảng, toàn dân, mỗi địa phương, làng xã cần phải có những hình thức, biện pháp thích hợp □để đời đời giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân ta□ trước sự hy sinh xương máu của biết bao anh hùng liệt sĩ. Nhận

thức sâu sắc vai trò của chủ nghĩa yêu nước với tính cách là động lực phát triển của dân tộc, Hồ Chí Minh đòi hỏi Đảng và Nhà nước □□ phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của tất cả mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến□⁽³⁾. Yêu nước cùng với đoàn kết là hai truyền thống quý báu, tạo nên sức mạnh vô địch cho cách mạng Việt Nam:

□Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công□

Dân chủ đem lại quyền làm chủ vận mệnh của mình cho nhân dân, tạo ra những điều kiện, tiền đề để toàn xã hội, cũng như mỗi cá nhân trong xã hội phát triển và hoàn thiện. Con người nhờ có dân chủ và thông qua dân chủ mới có hoạt động tích cực, chủ động, sáng tạo đối với lịch sử. Theo Hồ Chí Minh, □có dân chủ mới làm cho cán bộ và quần chúng đề ra sáng kiến□⁽⁴⁾. Vì thế, mất dân chủ tất yếu dẫn đến cản trở sản xuất, mất ổn định về chính trị do giảm sút lòng tin của dân với Đảng, và tất yếu không thể phát triển bền vững đất nước. Đồng thời, thực hành dân chủ cũng là biện pháp quan trọng để chống lại tham nhũng, xây dựng một xã hội trong sạch và phát triển, cho nên, phải □dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta□⁽⁵⁾.

Đặc biệt, một động lực chính trị rất quan trọng trong triết lý phát triển Hồ Chí Minh là phát huy vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng Cộng sản. Trong quá trình giải quyết các nhiệm vụ cách mạng đặt ra, tất yếu Đảng không tránh khỏi những khó khăn, thiếu sót và sai lầm. Nguy hiểm nhất là sai lầm về đường lối chỉ đạo chiến lược, Đảng rơi vào chủ nghĩa cá nhân, xa rời cuộc sống và đánh mất quần chúng. Đây thật sự là nguy cơ lớn đối với một đảng cầm quyền, có thể làm đảng thoái hóa biến chất, đánh mất vai trò lãnh đạo, lái đất nước đi trượt quỹ đạo xã hội chủ nghĩa hoặc rơi vào tình trạng trì trệ, bảo thủ, tụt hậu ngày càng xa, không phát triển được. Là một nhà lãnh đạo có mẫn cảm chính trị đặc biệt, Hồ Chí Minh nhấn mạnh tới công tác xây dựng Đảng (về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức), nhằm làm cho Đảng thống nhất về ý chí và hành động, có đường lối đúng, có tư tưởng

cách mạng triệt để, có tổ chức mạnh và đội ngũ đảng viên vững vàng về chính trị - tư tưởng, giỏi về chuyên môn, gắn bó với quần chúng, hoàn thành vai trò gương mẫu của mình. Theo Hồ Chí Minh, khả năng sáng tạo và năng lực chỉ đạo thực tiễn của Đảng chính là ở chỗ, Đảng ta là một đảng phấn đấu hy sinh vì lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, của giai cấp vô sản, chứ không vì lợi ích nào khác. Vì thế, Đảng có thể tập hợp, giáo dục và thuyết phục quần chúng, nắm bắt nhu cầu của họ, kịp thời bổ sung, điều chỉnh đường lối phù hợp lợi ích của quần chúng, tạo cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát triển đất nước bao giờ cũng có sinh khí, năng lực sáng tạo và tiến mạnh về phía trước. Đối với một đảng cầm quyền, dân chủ, đổi mới, sáng tạo là quy luật tồn tại và phát triển.

Bên cạnh việc xem xét quan hệ giữa động lực vật chất và động lực tinh thần, Hồ Chí Minh còn nhận thấy mối quan hệ giữa các yếu tố thuộc cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong động lực phát triển. Nếu như kinh tế là nền tảng và là yếu tố hàng đầu của sự phát triển xã hội, thì văn hóa - khoa học - giáo dục được Hồ Chí Minh xem là nguồn lực nội sinh từ thượng tầng kiến trúc tác động đến hạ tầng cơ sở tạo nên sự vận động của tất cả các lĩnh vực hoạt động xã hội.

Văn hóa, theo Hồ Chí Minh, vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển xã hội. Xây dựng chủ nghĩa xã hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh là xây dựng một xã hội văn hóa cao, dựa trên những cơ sở kinh tế vững mạnh, có trình độ chính trị, tư tưởng, khoa học tiên tiến; các giá trị và tri thức văn hóa, khoa học, giáo dục được chuyển thành nguồn lực nội sinh để phát triển toàn xã hội và từng cá nhân. Sự phong phú về văn hóa của xã hội và sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân sẽ là sức mạnh phát triển xã hội lâu bền. Do văn hóa là "tổng hợp những sáng tạo và phát minh" của con người, "là sự tổng hợp mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu của đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"⁽⁶⁾, nên Hồ Chí Minh cho rằng, văn hóa là sức mạnh tổng hợp nhất, có tiềm năng sâu xa nhất đối với sự thúc đẩy xã hội phát triển. Mô thức văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc do Đại

hội III của Đảng đề ra là sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra nội lực mới, đánh dấu một bước phát triển mới của văn hóa nước nhà.

Phát triển giáo dục để nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, đào tạo nhân tài là việc làm cần thiết để tạo ra sức mạnh hiểu biết, tri thức và trí tuệ cho dân tộc. Với ý tưởng sâu xa về nguồn lực phát triển trong triết lý phát triển xã hội của mình, đồng thời hiểu sâu sắc chân lý "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"⁽⁷⁾, ngay sau ngày độc lập, Hồ Chí Minh đã mở chiến dịch chống nạn mù chữ trên khắp đất nước, từ thành thị đến nông thôn, từ miền ngược đến miền xuôi. Người chỉ rõ, tình hình thế giới và trong nước luôn biến đổi, kỹ thuật thế giới ngày càng tiến bộ, nhưng hiểu biết của con người là có hạn, do đó, chúng ta phải đề cao tinh thần tự học và ý thức học tập suốt đời. Trên cơ sở các quan điểm giáo dục của thế giới lúc đó, Hồ Chí Minh đưa ra quan điểm giáo dục của mình mà điểm độc đáo là học kết hợp với hành, tri thức lý luận kết hợp với tri thức thực tiễn. Theo Người, non sông Việt Nam có sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không chính là nhờ ở công học tập của thế hệ trẻ và toàn thể nhân dân Việt Nam.

Khoa học kỹ thuật là trình độ chiếm lĩnh thiên nhiên, cải tạo xã hội của loài người, đó là hạt nhân của lực lượng sản xuất. Hồ Chí Minh từ rất sớm đã khẳng định, chúng ta chỉ có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên cơ sở một nền khoa học kỹ thuật tiên tiến và ngay từ những ngày đầu tiên xây dựng chế độ mới, Người đã đòi hỏi thanh niên phải yêu khoa học, làm theo khoa học. Trong bài nói chuyện với sinh viên năm 1958, Người nhấn mạnh: "Thời đại chúng ta bây giờ là thời đại vệ tinh nhân tạo, nghĩa là thời đại của khoa học phát triển mạnh, thời đại xã hội chủ nghĩa, thời đại anh hùng" Vậy mong các cháu cũng làm người thanh niên anh hùng trong thời đại anh hùng"⁽⁸⁾. Nhiều lần Hồ Chí Minh nói rằng khoa học kỹ thuật đã từ sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ nhân dân, nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Trong trình độ sản xuất và điều kiện khoa học kỹ thuật hiện tại, Hồ

Chí Minh kêu gọi, một mặt chúng ta phải thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động; mặt khác phải tranh thủ sự giúp đỡ về khoa học kỹ thuật của các nước xã hội chủ nghĩa, kể cả học tập và tiếp thu khoa học kỹ thuật của các nước tư bản có nền công nghiệp phát triển trên thế giới.

2. Biện chứng trong tiếp cận chủ nghĩa yêu nước - động lực tinh thần quan trọng nhất

Trong tất cả các động lực tinh thần thúc đẩy đất nước phát triển, chủ nghĩa yêu nước được Hồ Chí Minh coi là yếu tố tinh thần có vai trò đặc biệt quan trọng, là sức mạnh xuyên suốt, thấm sâu trong toàn bộ quá trình phát triển xã hội, giống như sinh lực mạnh mẽ của một cơ thể sống. Cũng có lúc Người xem xét chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa dân tộc với tư cách độc lập, tự bản thân nó là "động lực lớn của đất nước"⁽⁹⁾ nhưng đa phần Người đặt nó trong mối quan hệ kết hợp với những yếu tố khác để tạo nên sức mạnh vô địch cho cách mạng Việt Nam.

Một là, yêu nước kết hợp với đoàn kết.

Với Hồ Chí Minh, yêu nước và đoàn kết là những truyền thống tốt đẹp, mỗi truyền thống đều có sức mạnh riêng, đều là động lực đối với sự phát triển của dân tộc nhưng nó không tồn tại riêng rẽ, độc lập với nhau mà trái lại, chúng gắn kết và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Chính sự liên kết, gắn bó ấy đã nhân lên sức mạnh dân tộc Việt Nam trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước. Trong lời kêu gọi nhân dịp cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9/1951, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: "Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi. Nhờ lực lượng ấy mà tổ tiên ta đã đánh thắng quân Nguyên, quân Minh, đã giữ vững quyền tự do, tự chủ... Nhờ lực lượng ấy mà chúng ta sẽ đuổi sạch thực dân Pháp ra khỏi đất nước ta, và lấy lại thống nhất và độc lập thật sự"⁽¹⁰⁾.

Hai là, yêu nước kết hợp với thi đua.

Ngay sau khi cách mạng Tháng Tám thành công, mặc dù đất nước đứng trước muôn vàn khó khăn, thử thách, thù trong giặc ngoài, Hồ Chí Minh vẫn khẩn trương chuẩn bị để sớm chính thức phát động phong trào thi đua và khéo léo gắn kết phong trào ấy với lòng yêu nước thành "thi đua yêu nước"

Trong 24 năm lãnh đạo Đảng cầm quyền, Người có gần 30 bài viết, lời kêu gọi tập trung bàn về thi đua yêu nước. Người luận giải một cách sâu sắc, dễ hiểu, dễ nhớ mối quan hệ giữa thi đua và yêu nước:

"Thi đua là yêu nước, yêu nước thì phải thi đua. Và những người thi đua là những người yêu nước nhất"⁽¹¹⁾. Bằng việc gắn kết thi đua với yêu nước, Hồ Chí Minh đã liên kết một cách nhuần nhuyễn, chặt chẽ giữa bồi dưỡng, thúc đẩy phong trào thi đua với phát triển, hun đúc lòng yêu nước của mỗi người và của dân tộc Việt Nam.

Ba là, lòng yêu nước của nhân dân kết hợp với sự hiềm trở của địa hình trong đánh giặc.

Không chỉ khéo léo gắn kết lòng yêu nước với đoàn kết (nhân hòa) mà Hồ Chí Minh còn coi trọng sự kết hợp lòng yêu nước với yếu tố "địa lợi"□□ những nơi có vị trí, địa thế hiểm trở. Điều này giải thích vì sao sau gần 30 năm ra nước ngoài, khi trở về Tổ quốc, Người chọn Pắc Bó - Cao Bằng làm đại bản doanh để chỉ đạo cách mạng Việt Nam. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa nhà chính trị lỗi lạc và nhà quân sự xuất sắc ngay trong con người Hồ Chí Minh. Với tư duy đó, sau toàn quốc kháng chiến, khi tạm thời phải rời thủ đô Hà Nội, Người đã quyết định chọn Việt Bắc làm Thủ đô của kháng chiến. Ở đó, ta có nhiều lợi thế về thiên thời, địa lợi, nhân hòa, gây cho địch rất nhiều khó khăn, trở ngại. Người lý giải một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của Việt Bắc là: "Đồng bào Việt Bắc gồm có Kinh, Thổ, Nùng, Thái□ phong tục, tập quán tuy có khác nhau ít nhiều, nhưng lòng nồng nàn yêu nước, lòng căm hờn thực dân, thì muôn người như một. Lòng yêu nước của đồng bào, nhập với tình thế hiểm trở của núi sông thành một lực lượng vô địch, nó đã đánh tan cuộc tấn công của thực dân trong trận vừa rồi"⁽¹²⁾.

Đặc biệt, bốn là, chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa Mác - Lênin đã tạo ra một động lực mới về chất đối với sự phát triển của dân tộc.

Bản về quy luật ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định đó là sự kết hợp của ba yếu tố: chủ nghĩa Mác - Lênin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Sự kết hợp này tạo cơ sở vững chắc cho cả ba yếu tố, đặc biệt là đối với phong trào yêu nước. Chủ nghĩa Mác vốn là vũ khí

sắc bén của giai cấp công nhân qua sự kết hợp sáng tạo của Hồ Chí Minh đã trở thành vũ khí vô địch của cả dân tộc. Đến Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lênin tìm thấy sức mạnh không chỉ ở giai cấp công nhân mà còn ở toàn thể dân tộc. Từ sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đem ánh sáng cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam, làm cho chủ nghĩa yêu nước truyền thống vươn lên tiến cùng thời đại, trở thành chủ nghĩa yêu nước Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước mới. Không được chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam sẽ rơi vào tình trạng lỗi thời, lạc hậu, bất cập trước kẻ thù mới, thời đại mới. Mặt khác, đến Việt Nam, nếu chủ nghĩa Mác - Lênin không kết hợp được với phong trào yêu nước thì sẽ mất đi một lực lượng vô cùng to lớn, nếu không muốn nói là chủ yếu. Đồng chí Phạm Văn Đồng đã nhận xét: Sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước tạo nên sự bùng nổ mãnh liệt trong lịch sử Việt Nam - đó là sự bùng nổ của những gì tốt đẹp nhất trong mỗi con người và cả dân tộc, là sự bùng nổ về lòng yêu nước, lòng dũng cảm, truyền thống sáng tạo, sự bùng nổ của tinh thần dân tộc⁽¹³⁾.

3. Biện chứng giữa nội lực và ngoại lực

Là người thâm nhuần phép biện chứng mác xít, Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của yếu tố dân tộc, đặc điểm dân tộc, nội lực và coi đó là điều kiện tiên quyết đối với sự phát triển, sự thắng lợi của cách mạng; đồng thời là điều kiện không thể thiếu để có thể chuyển hóa và tiếp nhận các yếu tố quốc tế, ngoại lực, bởi nếu "không chú trọng đến đặc điểm dân tộc mình trong khi học tập kinh nghiệm của các nước anh em, là sai lầm nghiêm trọng, là phạm chủ nghĩa giáo điều"⁽¹⁴⁾. Mặc dù nhấn mạnh các yếu tố dân tộc, nội sinh nhưng Hồ Chí Minh tuyệt nhiên không xem nhẹ vai trò của các yếu tố ngoại sinh, sự giúp đỡ quốc tế. Người luôn đánh giá đúng và chủ động tiếp nhận sự giúp đỡ của quốc tế đối với cách mạng Việt Nam.

Thời điểm những năm 40, 50 của thế kỷ trước, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ còn đang phải chiến đấu trong vòng vây, chưa có sự ủng hộ

quốc tế, thì Hồ Chí Minh đã khéo léo khơi dậy tình cảm và truyền thống dân tộc, phát huy nguồn lực tiềm tàng từ cộng đồng người Việt sống ở nước ngoài cho cuộc đấu tranh của dân tộc nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của các động lực, nguồn lực. Đáp lại lời kêu gọi yêu nước và cứu nước của Người, nhiều nhà trí thức lớn được đào tạo ở nước ngoài đã gạt sang một bên cuộc sống vật chất đủ đầy, gạt sang một bên những âu lo, băn khoăn để trở về, chung tay gánh vác việc nước, tiêu biểu phải kể đến như: Hồ Đắc Di, Phạm Quang Lễ, Võ Quý Huân, Nguyễn Văn Huyền, Trần Hữu Tước, Phạm Ngọc Thạch, Đặng Văn Ngữ,... Quan điểm "tập trung nhân tài, bất phân đảng phái" của Hồ Chí Minh cùng với những chủ trương đúng đắn đã có sức cảm hóa lớn và quy tụ được nhiều hiền tài, trí thức yêu nước cho sự nghiệp cách mạng.

Song song với việc kêu gọi để thu hút tài năng của người Việt Nam ở nước ngoài, Hồ Chí Minh đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao để mở rộng quan hệ quốc tế cho nền khoa học Việt Nam, mong muốn Việt Nam từ nghèo nàn có thể vươn lên "sánh vai với các cường quốc năm châu". Trong bức thư gửi Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ ngày 1/11/1945, Hồ Chí Minh nêu nguyện vọng gửi 50 thanh niên Việt Nam sang Mỹ để mở rộng quan hệ hữu nghị giữa hai nước. Nhưng trước là để "xúc tiến việc tiếp tục nghiên cứu về kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác"⁽¹⁵⁾ và theo Người, những thành tựu kỹ thuật hiện đại của họ đã có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với giới trí thức Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu lên quan điểm: "Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, các nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình"⁽¹⁶⁾ trong Thư gửi Liên hợp quốc tháng 12/1946, khi cả dân tộc Việt Nam đang đứng trước ngưỡng cửa của cuộc kháng chiến toàn quốc. Hồ Chí Minh đã nhìn thấy những công việc phải làm để xây dựng đất nước trong tương lai chiến thắng ngay khi cả dân tộc chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến biết chán chường là trường kỳ gian khổ. Có thể thấy, Hồ Chí Minh đã sớm mang tinh thần mong muốn giao lưu, đối thoại để đạt tới sự hòa đồng, hướng tới sự hòa nhập, hướng tới một tương lai hòa

bình và phát triển của dân tộc Việt Nam đến với các dân tộc anh em bè bạn.

Luôn đánh giá cao và tranh thủ mọi nguồn ngoại lực để tạo ra sức mạnh tổng hợp cho cách mạng nhưng Hồ Chí Minh cũng nhiều lần nhắc nhở: yếu tố quốc tế, yếu tố ngoại sinh là rất quan trọng nhưng nó chỉ có tác dụng và biến thành sức mạnh khi chủ thể biết đón nhận và chuyển hóa nó thành yếu tố nội sinh: "Các nước bạn giúp ta cũng như thêm vốn cho ta. Ta phải khéo dùng cái vốn ấy để bồi bổ lực lượng của ta, phát triển khả năng của ta"⁽¹⁷⁾. Rõ ràng, khi biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại sẽ làm khuyếch trương thế và lực của ta, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, đưa cách mạng nhanh tới đích.

4. Biện chứng giữa động lực và trở lực

Nếu động lực là cái thúc đẩy sự vận động và phát triển thì trở lực là cái cản trở sự phát triển, bởi vậy, muốn khai thông những động lực phát triển của xã hội thì phải đồng thời nhận diện và khắc phục những lực cản trong quá trình đổi mới, phát triển. Tư duy biện chứng Hồ Chí Minh thể hiện ở chỗ xây phải đi liền với chống, chống là nhằm mục đích xây. Bước vào xây dựng xã hội mới, bên cạnh nhận diện trở lực đến từ bên ngoài là chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân cùng sự chống phá điên cuồng của kẻ thù, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh những trở lực nội tại, "giặc nội xâm", những căn bệnh có thể dẫn đến nguy cơ thoái hóa, biến chất của một đảng, đến an nguy của chế độ xã hội chủ nghĩa và sự phát triển đi lên của đất nước như thói quen và truyền thống lạc hậu, đặc biệt là chủ nghĩa cá nhân - kẻ địch hung ác, căn bệnh gốc, bệnh mẹ, đẻ ra hàng trăm thứ bệnh khác. Bàn về chủ nghĩa cá nhân, Hồ Chí Minh đã nêu ra hệ thống luận điểm phong phú và toàn diện, từ quan niệm, nguồn gốc, biểu hiện, đặc điểm, tác hại và biện pháp đấu tranh phòng chống chủ nghĩa cá nhân. Có thể thấy, đây là vấn đề được Người đặc biệt lưu tâm, đề cập đến từ thời điểm Đảng còn chưa ra đời cho đến những năm tháng cuối cùng trong cuộc đời Người; và hiển nhiên, là vấn đề luôn thường trực, cấp bách khi Đảng trở thành đảng cầm quyền.

Bên cạnh việc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, Hồ Chí Minh yêu cầu phải đấu tranh chống

những biểu hiện phong phú của nó, như tham ô, lãng phí, quan liêu, "bạn đồng minh của thực dân phong kiến" vì nó làm hỏng tinh thần trong sạch và ý chí khắc khổ của cán bộ ta. Nó phá hoại đạo đức cách mạng của ta là cần, kiệm, liêm, chính; chống chia rẽ, bè phái, mất đoàn kết, vô kỷ luật, vì những hành động ấy làm giảm sút uy tín và ngăn trở sự nghiệp của Đảng, ngăn trở bước tiến của cách mạng; chống chủ quan, bảo thủ, giáo điều, lười biếng, không chịu học tập cái mới vì nếu không sẽ xơ cứng, giáo điều, lạc hậu, không theo kịp được sự phát triển. Những trở lực này nếu không chậm được khắc phục sẽ gây nên sức ỳ rất lớn, làm giảm sút lòng tin của quần chúng nhân dân, gây rạn nứt mối quan hệ Đảng - dân, từ đó gây nên rào cản cho sự nghiệp phát triển đất nước, làm chững lại, thậm chí kéo lùi sự phát triển.

Tư duy biện chứng Hồ Chí Minh khi tiếp cận vấn đề động lực trong triết lý phát triển thể hiện tính sâu sắc, đúng đắn và khoa học, vừa có ý nghĩa chiến lược chỉ đạo lâu dài, vừa giúp chúng ta giải quyết những vấn đề của thực tiễn đổi mới đất nước một cách thuyết phục. Thấy được mối quan hệ biện chứng giữa các yếu tố trong động lực, nhận rõ sự chuyển hóa, chuyển biến giữa chúng, không tuyệt đối hóa yếu tố nào, cũng không xem nhẹ yếu tố nào là một bài học kinh nghiệm quan trọng trong đổi mới và phát triển đất nước. Điều đó một lần nữa chứng tỏ nhận định về giá trị và sức sống trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng, di sản Hồ Chí Minh nói chung với dân tộc và nhân loại, hôm nay và mai sau!./.

(1) (7) (15) (16) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập* (15 tập) Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, T.4, tr.175, tr.7, tr.91, tr.523.

(2) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, sđd, T.13, tr.438.

(3) (10) (11) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, sđd, T.7, tr.38-39, tr.164-165, tr.407.

(4) (5) (12) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, sđd, T.5, tr.284, tr.338, tr.448.

(6) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, sđd, T.3, tr.458.

(8) (14) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, sđd, T.11, tr.401, tr.97.

(9) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, sđd, T.1, tr.511.

(13) Xem: Tạp chí Cộng sản, số 2/1995, tr.14.

(17) Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, sđd, T.10, tr.56-57.